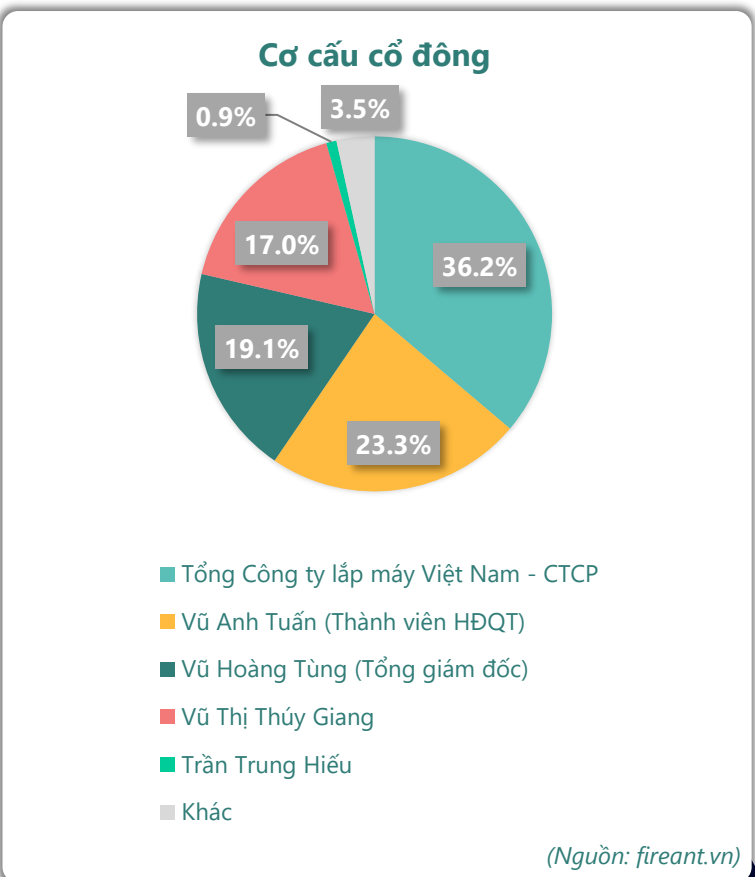
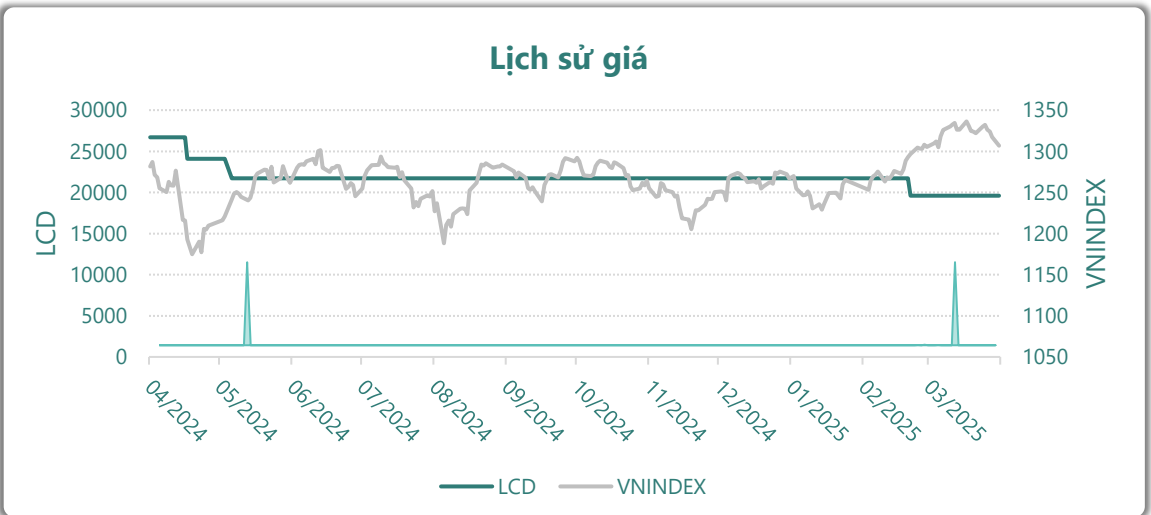
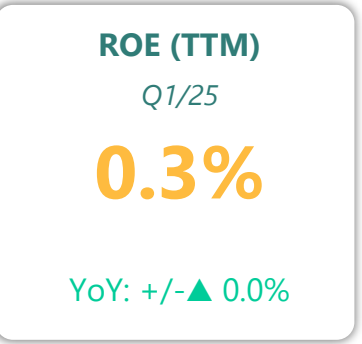
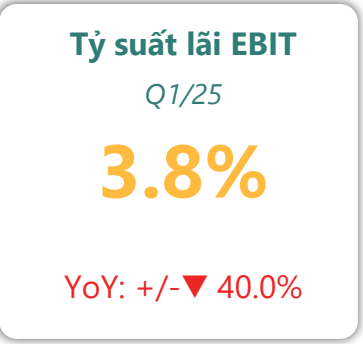
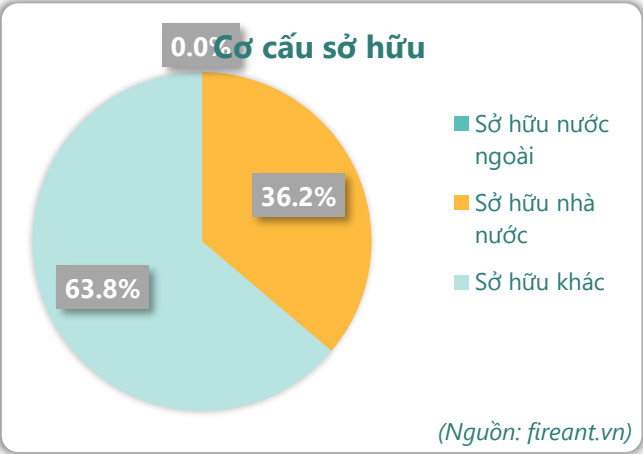


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

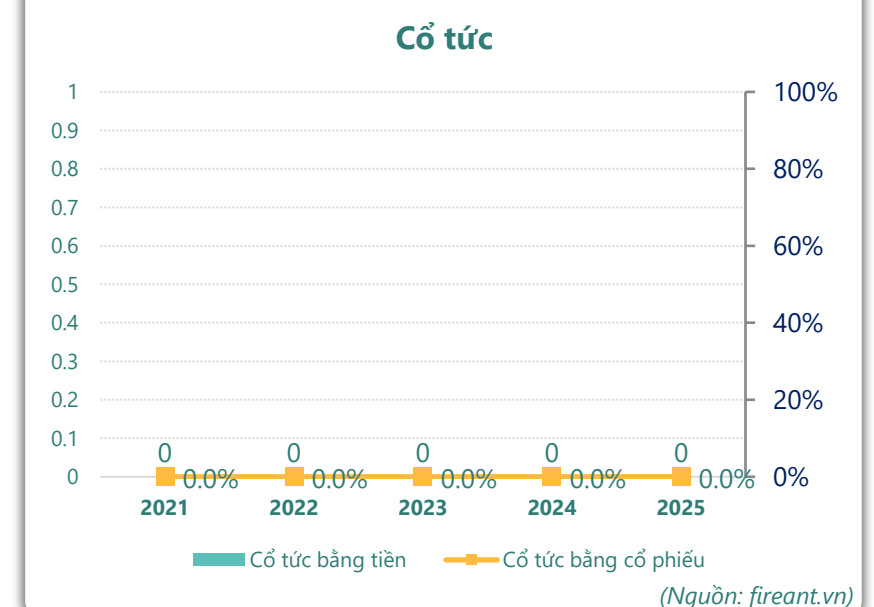
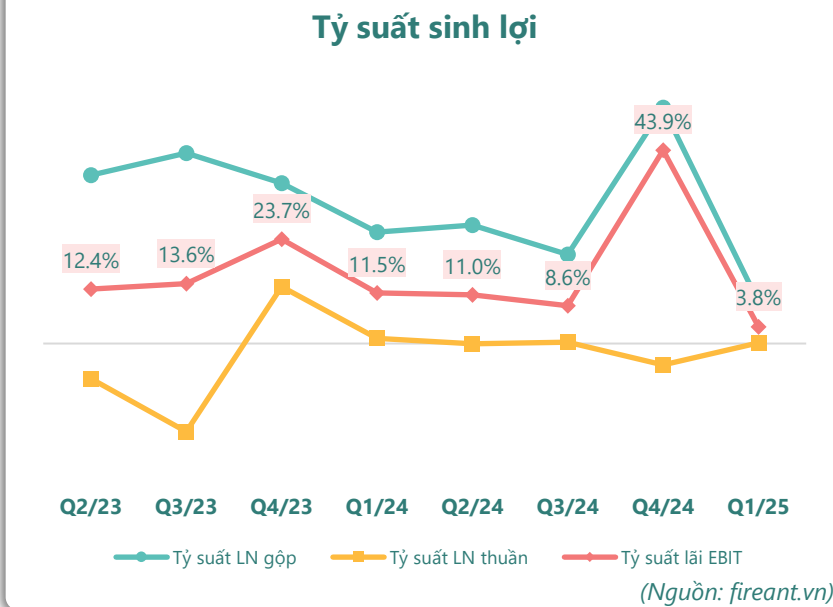
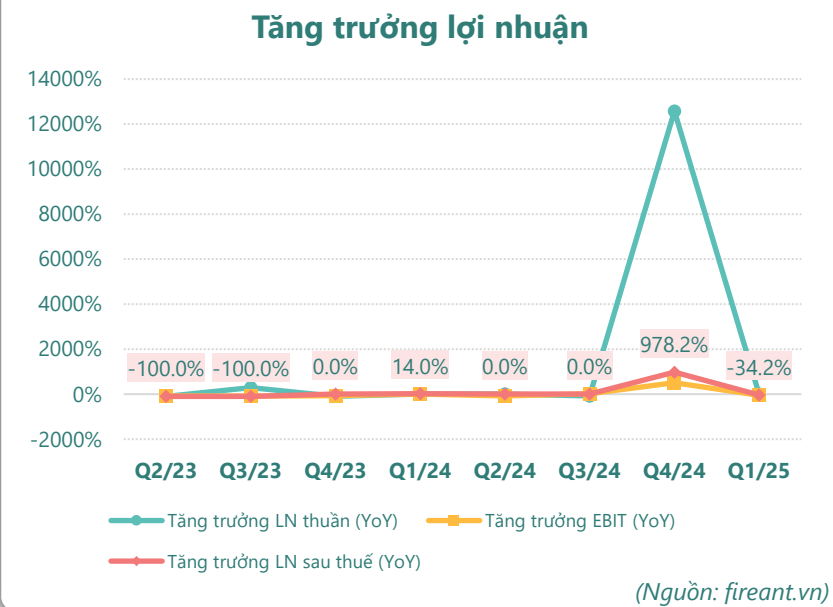
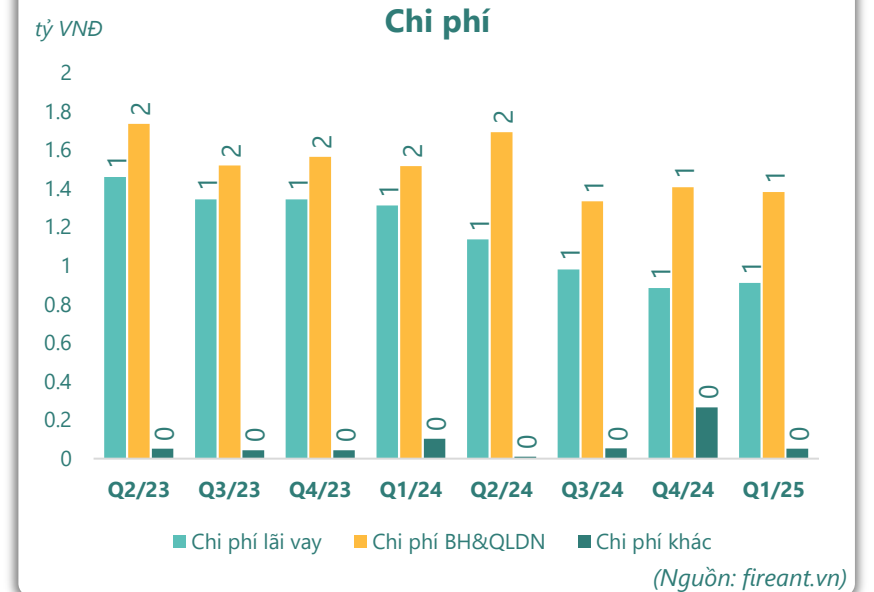
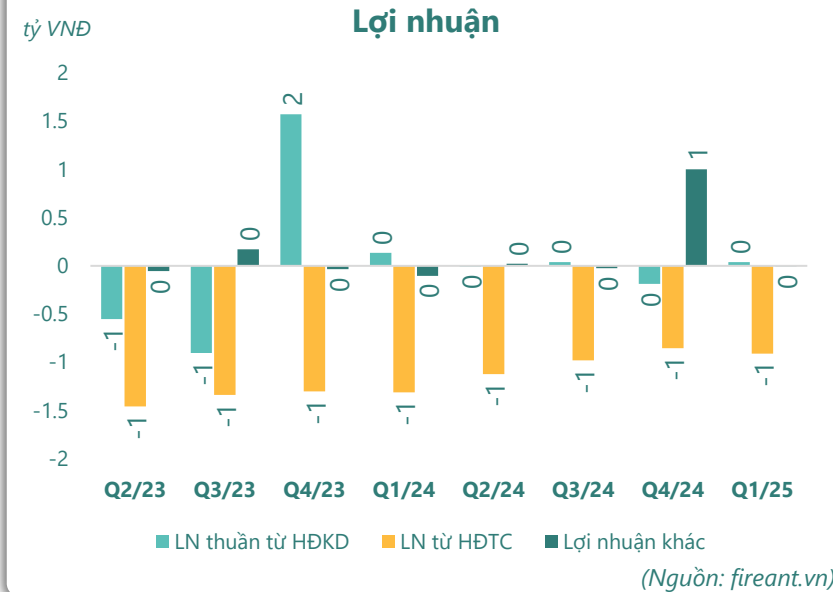
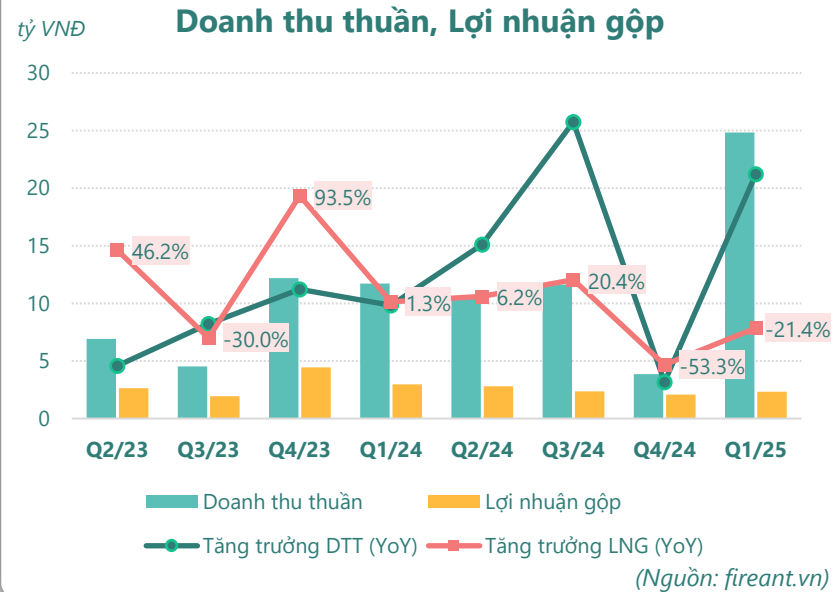
CTCP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ Điện

Ngày 31/03/2025	19,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-9.7%	-9.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,600 - 26,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	1,499,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	67
P/E	292.6



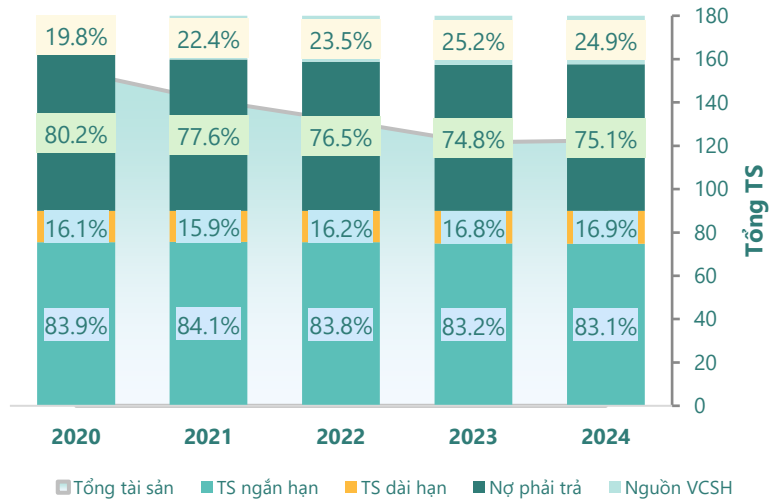
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

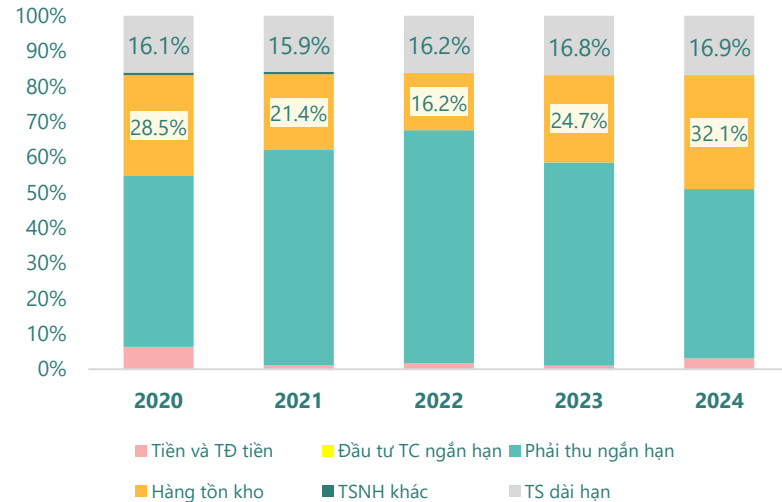
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

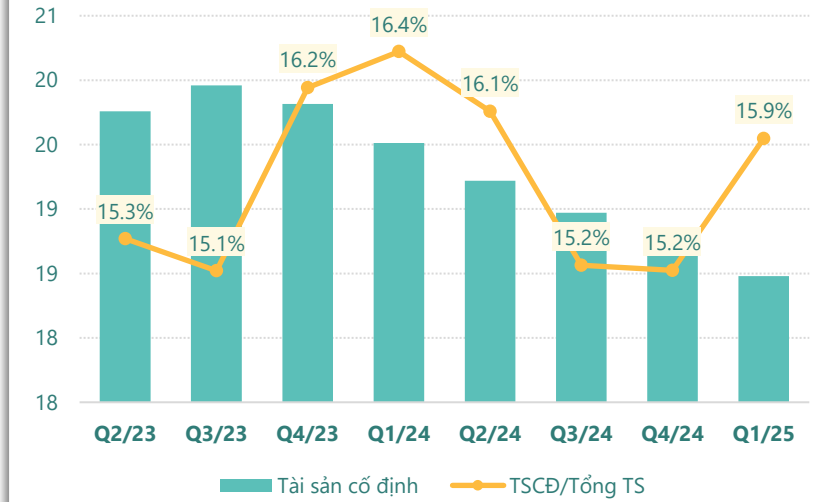
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

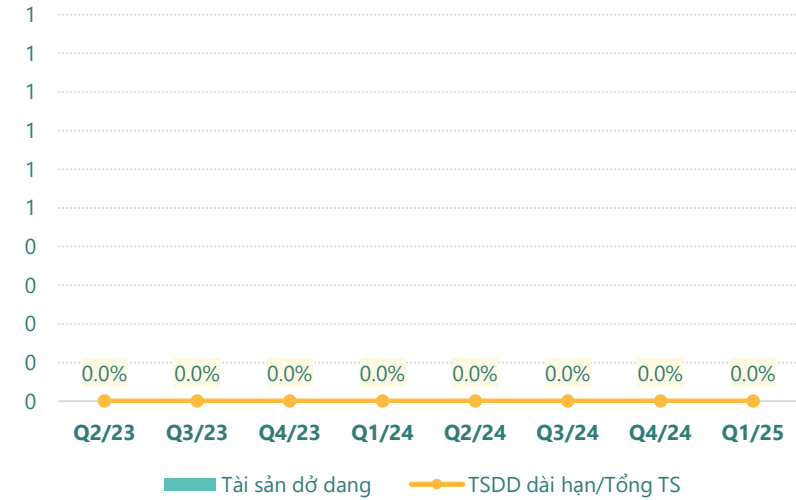
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

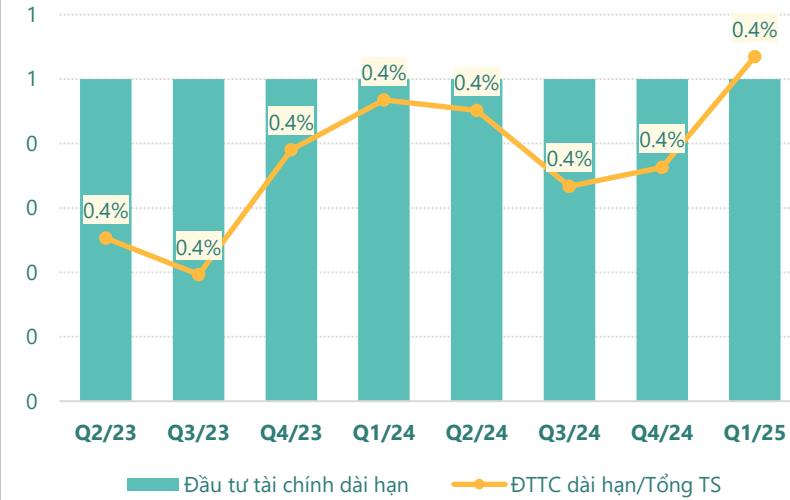
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

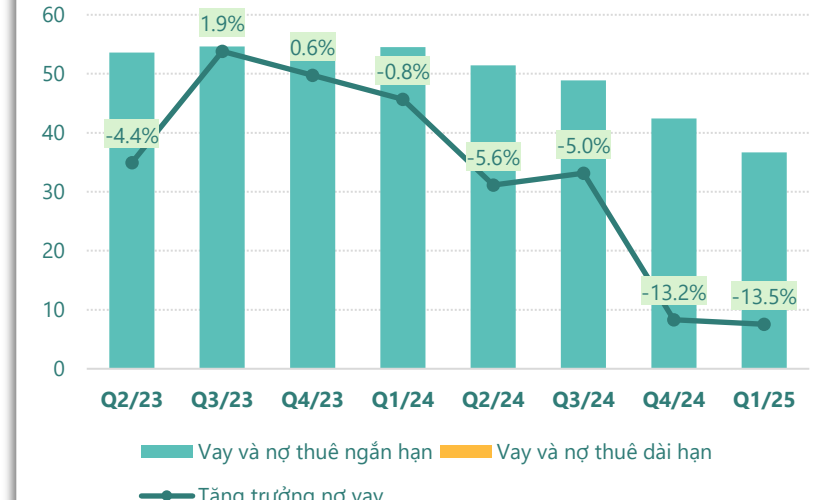
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

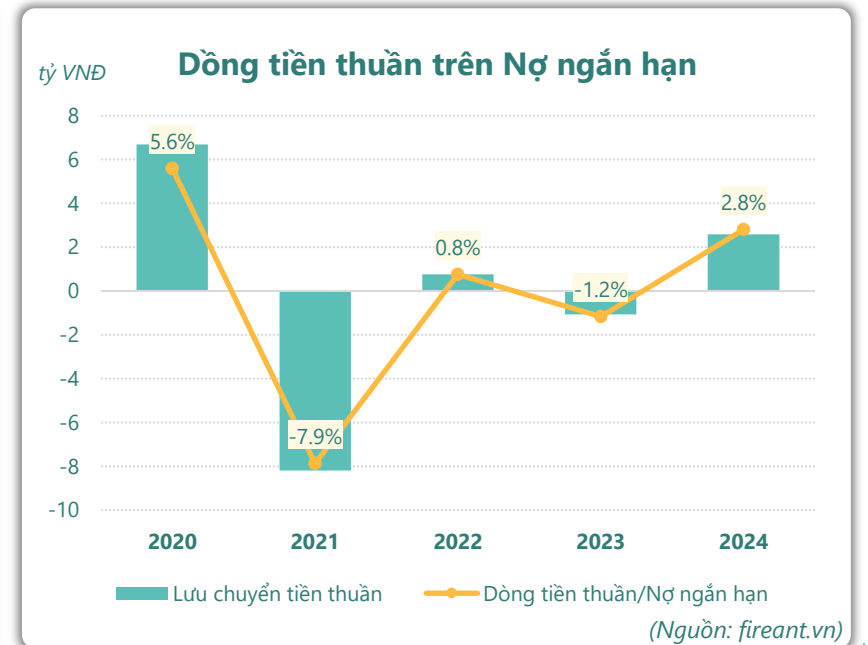
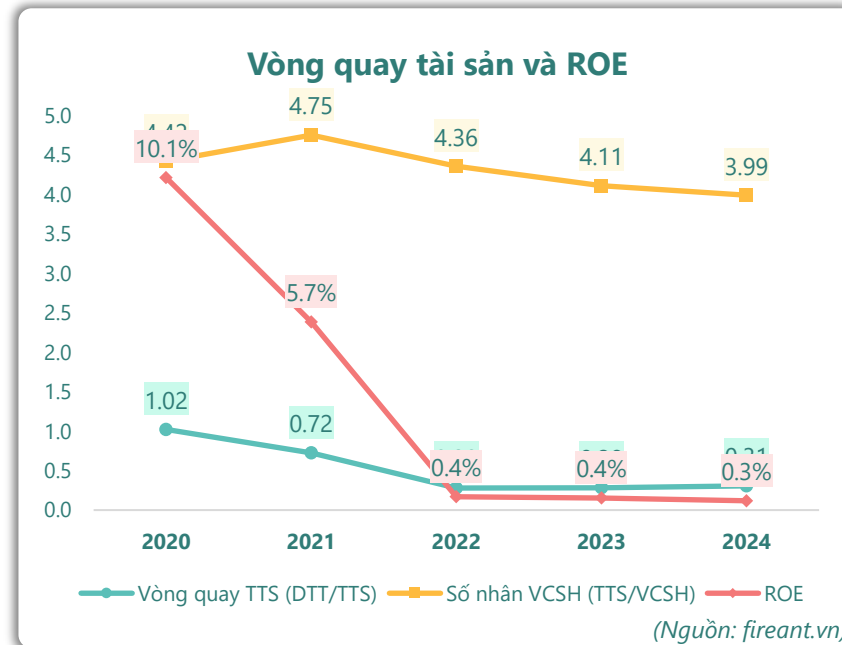
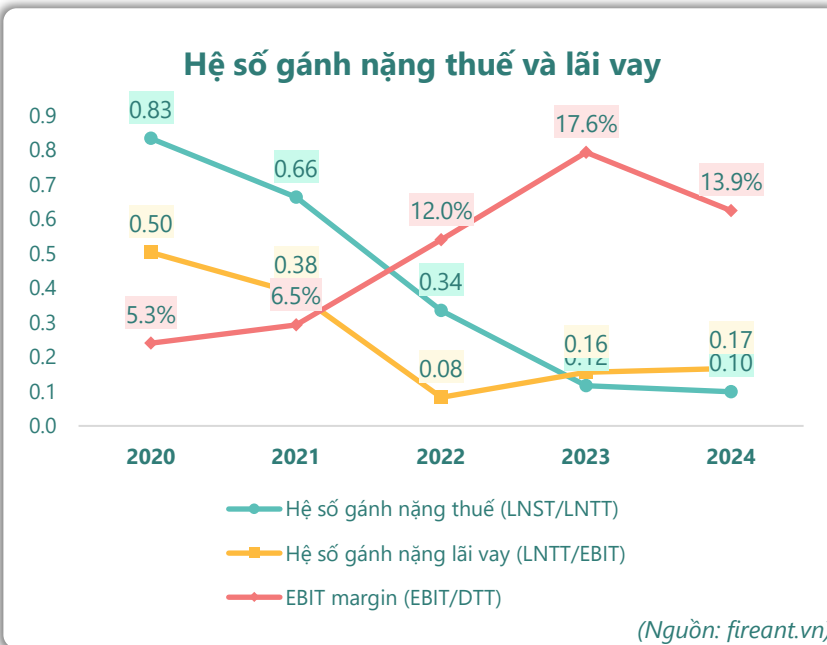
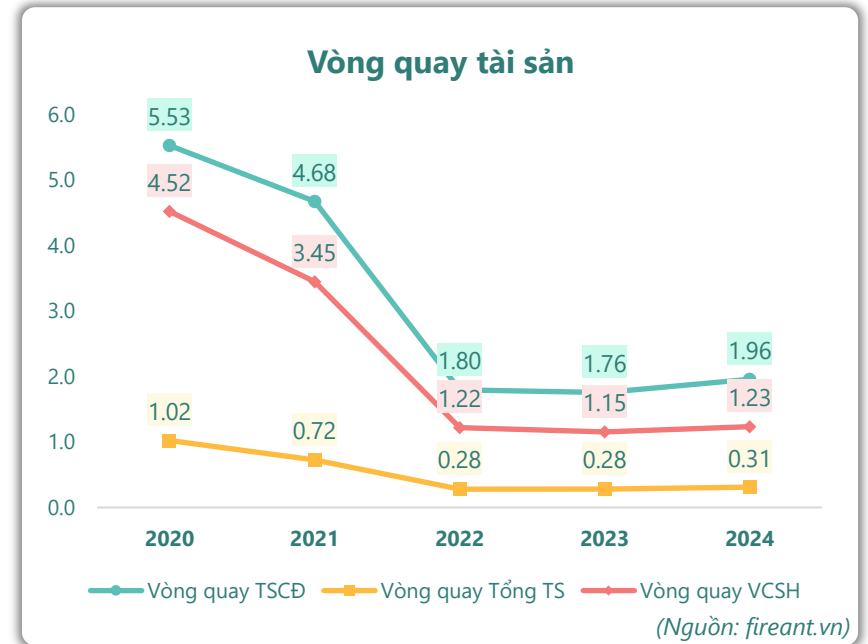
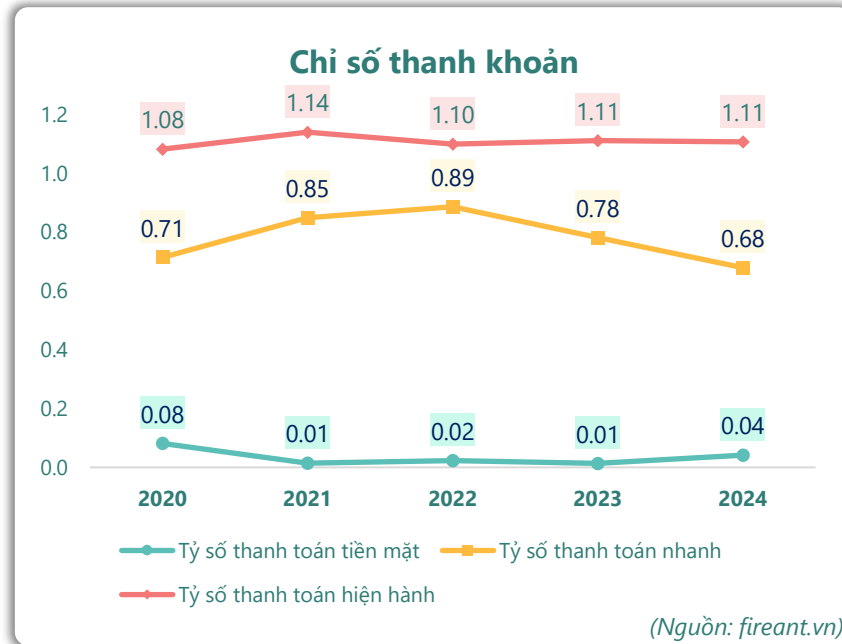
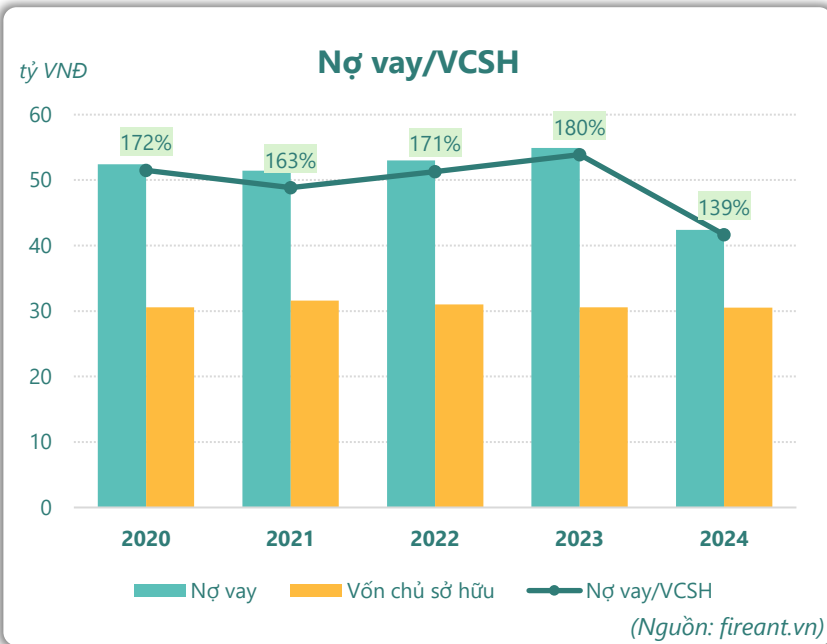
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	24.8	11.7	112%	37.7	35.5	6.0%
Giá vốn hàng bán	22.5	8.74	158%	27.4	23.6	16.3%
Lợi nhuận gộp	2.33	2.96	-21.3%	10.3	12.0	-14.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.03	0.05	-38.6%
Chi phí TC	0.91	1.31	-30.4%	4.36	5.29	-17.7%
Chi phí lãi vay	0.91	1.31	-30.4%	4.36	5.29	-17.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.38	1.52	-9.1%	5.95	6.61	-10.0%
LN thuần từ HĐKD	0.04	0.13	-70.9%	-0.02	0.12	-119%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.10	97.8%	0.90	0.86	4.3%
LN trước thuế	0.04	0.03	18.7%	0.87	0.98	-10.4%
Lợi nhuận sau thuế	0.02	0.00		0.09	0.11	-23.8%
LNST của CĐ cty mẹ	0.02	0.00		0.09	0.11	-23.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.99	3.78	-1.00	3.34	9.64	1.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	-0.07	-0.06	0	0.03	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.31	-0.42	-3.06	-2.55	-6.47	-5.72
Tiền đầu kỳ	1.86	1.24	4.52	0.40	1.19	4.38
Lưu chuyển tiền thuần	-0.62	3.28	-4.12	0.79	3.19	-3.98
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.24	4.52	0.40	1.19	4.38	0.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	116	122	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	95.8	102	-5.9%
Tiền và tương đương tiền	0.40	3.82	-89.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	73.5	58.6	25.4%
Hàng tồn kho	21.9	39.3	-44.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.00	-100%
Tài sản dài hạn	20.4	20.7	-1.3%
Phải thu dài hạn	1.39	1.39	0.0%
Tài sản cố định	18.5	18.7	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.09	-24.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.7	91.9	-6.8%
Nợ ngắn hạn	85.7	91.9	-6.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.7	42.4	-13.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.60	6.16	7.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	30.6	30.5	0.0%
Vốn chủ sở hữu	30.6	30.5	0.0%
Vốn điều lệ	15.0	15.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

